

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO
BÌ BIÊN HÒA
BIEN HOA PACKAGING
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 55 / SVI-2023
No.: 55 / SVI-2023

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2023
Dong Nai, day 14 month 08 year 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/ BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
- Mã chứng khoán/Stock code: SVI
- Địa chỉ/Address: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Street No. 7, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City, Dong Nai Province, Viet Nam.
- Điện thoại/Tel.: 0251.3836121 - Fax: 0251.3832939 - E-mail: ducph@sovi.com.vn
- Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:
Báo cáo tài chính bán niên soát xét tại ngày 30/06/2023 (kèm giải trình) - Công ty CP Bao bì Biên Hòa (SOVI).
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2023 tại đường dẫn codong.sovi.com.vn/ This information was published on the company's website on 14/08/2023, as in the link codong.sovi.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
BCTC bán niên soát xét năm 2023.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information



PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC
Giám đốc tài chính/ CFO



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

17
A
B
O
O



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp 4703000057
3600648493

ngày 14 tháng 8 năm 2003 (lần đầu)
ngày 24 tháng 1 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600648493 ngày 24 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Jakjit Klomsing
Ông Sompob Witworrasakul
Ông Hirofumi Hori
Ông Toshinobu Sada
Ông Ekarach Sinnarong
Ông Đinh Quang Hùng
Bà Saranya Skontanarak
Ông Nguyễn Quý Thịnh
Ông Amnuay Pattaramongkolkul

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Krasame Singhakul
Ông Wattana Intachoom
Bà Theamhathai Tibfan

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ekarach Sinnarong
Ông Đặng Ngọc Diệp
Ông Trần Trang Bình
Ông Phạm Hồng Đức

Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Phó Giám đốc điều hành
Giám đốc tài chính

**Người đại diện
theo Pháp luật**

Ông Ekarach Sinnarong

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00195-23-1



Chang Hùng Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		881.925.265.133	918.699.310.962
Tiền	110	4	76.345.330.484	72.529.006.552
Tiền	111		76.345.330.484	72.529.006.552
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		306.380.000.000	321.020.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	306.380.000.000	321.020.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		327.305.422.528	349.007.798.118
Phải thu của khách hàng	131	6	321.826.501.096	344.134.720.250
Trả trước cho người bán	132		482.157.104	1.790.221.541
Phải thu khác	136	7	6.517.480.937	4.392.093.420
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(1.520.716.609)	(1.309.237.093)
Hàng tồn kho	140	9	168.327.535.205	172.615.264.357
Hàng tồn kho	141		170.250.300.848	174.765.497.676
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.922.765.643)	(2.150.233.319)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.566.976.916	3.527.241.935
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10(a)	3.566.976.916	3.527.241.935
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		282.582.465.189	299.879.372.242
Các khoản phải thu - dài hạn	210		98.025.000	98.025.000
Phải thu dài hạn khác	216		98.025.000	98.025.000
Tài sản cố định	220		146.111.717.315	162.005.460.364
Tài sản cố định hữu hình	221	11	146.091.946.315	161.850.907.940
Nguyên giá	222		663.833.657.204	661.344.157.761
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(517.741.710.889)	(499.493.249.821)
Tài sản cố định vô hình	227	12	19.771.000	154.552.424
Nguyên giá	228		2.965.022.613	2.965.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.945.251.613)	(2.810.470.189)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.864.335.687	6.608.512.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	7.864.335.687	6.608.512.000
Tài sản dài hạn khác	260		128.508.387.187	131.167.374.878
Chi phí trả trước dài hạn	261	10(b)	126.164.721.393	128.823.709.084
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.343.665.794	2.343.665.794
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.164.507.730.322	1.218.578.683.204

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		398.866.629.715	491.221.807.274
Nợ ngắn hạn	310		392.996.600.443	485.342.223.450
Phải trả người bán	311	15	255.544.942.062	295.685.347.569
Người mua trả tiền trước	312		52.704.481	97.521.676
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	20.225.144.620	12.675.503.253
Phải trả người lao động	314		8.434.798.750	9.395.241.437
Chi phí phải trả	315	17	26.452.416.651	25.027.902.315
Phải trả ngắn hạn khác	319		363.670.915	458.936.007
Vay ngắn hạn	320	18	81.660.565.698	141.739.413.927
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	262.357.266	262.357.266
Nợ dài hạn	330		5.870.029.272	5.879.583.824
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	5.870.029.272	5.879.583.824
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		765.641.100.607	727.356.875.930
Vốn chủ sở hữu	410	21	765.641.100.607	727.356.875.930
Vốn cổ phần	411	22	128.324.370.000	128.324.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.324.370.000	128.324.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.060.646	636.060.646
Quỹ đầu tư phát triển	418		153.593.356.183	153.593.356.183
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		483.087.313.778	444.803.089.101
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		414.775.186.521	328.210.179.220
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		68.312.127.257	116.592.909.881
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.164.507.730.322	1.218.578.683.204

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	737.319.646.085	991.994.632.777
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	(1.271.636.744)	(1.245.672.829)
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	736.048.009.341	990.748.959.948
Giá vốn hàng bán	11	25	600.898.945.492	859.150.909.354
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		135.149.063.849	131.598.050.594
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	16.370.962.545	5.768.919.819
Chi phí tài chính	22	27	5.190.131.034	1.974.889.773
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.019.980.353</i>	<i>1.754.394.496</i>
Chi phí bán hàng	25	28	35.726.215.968	41.091.280.922
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	23.399.923.033	18.999.171.008
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		87.203.756.359	75.301.628.710
Thu nhập khác	31		212.456.666	760.150.977
Chi phí khác	32		497.145.735	208.440.846
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(284.689.069)	551.710.131
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		86.919.067.290	75.853.338.841
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	18.606.940.033	13.768.200.825
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	1.520.436.128
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		68.312.127.257	60.564.701.888
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.323	4.720

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		86.919.067.290	75.853.338.841
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		18.383.242.492	21.396.802.370
Các khoản dự phòng	03		255.136.269	(624.073.948)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(96.097.354)	-
Lỗ từ xóa sổ tài sản dài hạn	05		-	2.287.737.772
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(16.062.446.602)	(5.552.392.288)
Chi phí lãi vay	06		5.019.980.353	1.754.394.496
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		94.418.882.448	95.115.807.243
Biến động các khoản phải thu	09		22.107.527.259	16.278.734.419
Biến động hàng tồn kho	10		4.515.196.828	11.600.746.772
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(34.074.716.381)	40.731.630
Biến động chi phí trả trước	12		2.619.252.710	351.552.620
			89.586.142.864	123.387.572.684
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.808.316.591)	(1.405.285.201)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.806.611.375)	(14.380.607.949)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(2.213.470.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		66.971.214.898	105.388.209.534
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.803.257.270)	(20.655.635.609)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(152.380.000.000)	(251.753.972.603)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24		167.020.000.000	134.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		14.023.426.190	3.888.012.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.860.168.920	(134.021.595.827)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		276.843.198.242	319.251.387.024
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(336.922.046.471)	(270.840.466.527)
Tiền trả cổ tức	36		(30.027.902.580)	(23.098.386.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(90.106.750.809)	25.312.533.897
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		3.724.633.009	(3.320.852.396)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		72.529.006.552	64.896.811.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		91.690.923	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	76.345.330.484	61.575.959.050

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 12 tháng 3 năm 2012, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Tổng Giám đốc của HOSE với mã chứng khoán là “SVI”.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bìa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một chi nhánh phụ thuộc (1/1/2023: một chi nhánh phụ thuộc).

Chi nhánh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 11 tháng 1 năm 2011, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu, và giấy chứng nhận điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 13 tháng 5 năm 2020. Chi nhánh đặt tại Lô B-6A-CN Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 673 nhân viên (1/1/2023: 716 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính kết thúc năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được lần lượt quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	4 năm

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 năm đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm của báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Trong kỳ, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 06 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ/năm trước.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	131.078.639	120.592.269
Tiền gửi ngân hàng	76.214.251.845	72.408.414.283
	76.345.330.484	72.529.006.552

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm.

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo nhóm khách hàng

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các khách hàng lớn (Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam)	97.598.183.857	126.721.504.372
Các khách hàng khác	224.228.317.239	217.413.215.878
	321.826.501.096	344.134.720.250

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	5.260.227.950	4.127.364.137
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	3.379.728.000	3.847.879.080
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	2.173.351.056	298.243.253
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	633.674.717	736.097.815
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	522.481.545	723.488.598

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Lãi dự thu	6.183.379.999	4.144.359.587
Đặt cọc	274.100.000	232.488.000
Khác	60.000.938	15.245.833
	<hr/>	<hr/>
	6.517.480.937	4.392.093.420

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2023		Số ngày quá hạn	1/1/2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<i>Nợ quá hạn</i>							
Công Ty Cổ Phần Tingco Bình Định	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.531.010.240	759.303.072	1.771.707.168	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Nội Thất Cao Cấp Hoàng Gia	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	554.735.155	166.450.237	388.284.918	-	-	-
Công ty TNHH Kim Bách Tùng	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	386.934.200	270.853.940	116.080.260	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	298.853.940	128.080.269
Công ty cổ phần Kim Đức Công ty TNHH Seven Colors	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	338.089.950	101.426.985	236.662.965	-	-	-
Công ty TNHH Ana Water and Smiler Beverage	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	111.506.224	55.753.112	55.753.112	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	669.037.359	1.561.087.131
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	-	-	-	-	Trên 4 năm	184.236.473	-
Các khách hàng khác	-	-	-	-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	39.780.170	19.890.096
	Hơn 1 năm	211.494.264	166.929.263	44.565.001	Từ 6 tháng đến 3 năm	211.494.288	137.219.225
		4.133.869.000	1.520.716.609	2.613.152.391		3.092.569.630	1.309.237.093
							1.783.332.537

CH
 IG
 IN
 IAN
 2-00

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	1.309.237.093	2.631.995.109
Trích lập dự phòng trong kỳ	393.433.685	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(509.085.400)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(181.954.169)	-
Số dư cuối kỳ	1.520.716.609	2.122.909.709

9. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.851.035.792	-	326.370.555	-
Nguyên vật liệu	151.559.556.347	-	159.775.649.111	-
Công cụ và dụng cụ	189.803.059	-	204.562.462	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.216.114.810	-	4.043.130.890	-
Thành phẩm	10.224.325.612	(1.922.765.643)	10.415.784.658	(2.150.233.319)
Hàng gửi đi bán	209.465.228	-	-	-
Tổng cộng	170.250.300.848	(1.922.765.643)	174.765.497.676	(2.150.233.319)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	2.150.233.319	114.988.548
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(227.467.676)	(114.988.548)
Số dư cuối kỳ	1.922.765.643	-

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí bảo hiểm trả trước	1.210.692.449	523.351.863
Công cụ và dụng cụ	932.499.337	2.411.633.067
Chi phí thuê đất trả trước	796.774.477	-
Sửa chữa và bảo trì	470.248.942	195.404.248
Khác	156.761.711	396.852.757
	3.566.976.916	3.527.241.935

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Sửa chữa và bảo trì VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	126.182.314.411	532.176.494	956.035.623	1.153.182.556	128.823.709.084
Tăng trong kỳ	-	175.217.861	25.850.000	-	201.067.861
Phân bổ trong kỳ	(1.742.980.836)	(190.599.383)	(453.580.737)	(472.894.596)	(2.860.055.552)
	124.439.333.575	516.794.972	528.304.886	680.287.960	126.164.721.393

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	140.213.459.184	492.359.416.720	17.334.543.871	11.135.607.622	301.130.364	661.344.157.761
Tăng trong kỳ	-	2.223.534.443	-	265.965.000	-	2.489.499.443
Số dư cuối kỳ	140.213.459.184	494.582.951.163	17.334.543.871	11.401.572.622	301.130.364	663.833.657.204
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	75.632.600.133	400.236.887.251	13.383.612.966	9.982.331.607	257.817.864	499.493.249.821
Khấu hao trong kỳ	3.085.488.285	14.025.815.407	735.633.287	395.336.589	6.187.500	18.248.461.068
Số dư cuối kỳ	78.718.088.418	414.262.702.658	14.119.246.253	10.377.668.196	264.005.364	517.741.710.889
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	64.580.859.051	92.122.529.469	3.950.930.905	1.153.276.015	43.312.500	161.850.907.940
Số dư cuối kỳ	61.495.370.766	80.320.248.505	3.215.297.618	1.023.904.426	37.125.000	146.091.946.315

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là các tài sản có nguyên giá 350.581.638.947 VND đã khấu hao hết (1/1/2023: 309.383.910.244 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	232.020.000	2.632.334.724	100.667.889	2.965.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	232.020.000	2.477.782.300	100.667.889	2.810.470.189
Khấu hao trong kỳ	-	134.781.424	-	134.781.424
Số dư cuối kỳ	232.020.000	2.612.563.724	100.667.889	2.945.251.613
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	154.552.424	-	154.552.424
Số dư cuối kỳ	-	19.771.000	-	19.771.000

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là các tài sản có nguyên giá 2.253.266.613 VND đã được khấu hao hết (1/1/2023: 2.156.334.089 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.608.512.000	10.267.662.999
Tăng trong kỳ	1.255.823.687	26.574.339.259
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(8.375.247.707)
Xóa sổ	-	(2.287.737.772)
Số dư cuối kỳ	7.864.335.687	26.179.016.779

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Máy móc	7.864.335.687	6.608.512.000

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	1.175.916.765	1.175.916.765
Khác	20%	1.167.749.029	1.167.749.029
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.343.665.794	2.343.665.794

15. Phải trả cho người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	94.144.836.170	147.575.939.406
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	33.101.432.320	27.295.859.574
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	29.057.730.680	16.922.694.744
Công ty TNHH Giấy Đông Tiến Bình Dương	26.361.792.050	23.061.131.460
Các nhà cung cấp khác	72.879.150.842	80.829.722.385
	255.544.942.062	295.685.347.569
Số có khả năng trả nợ	255.544.942.062	295.685.347.569

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	94.144.836.170	147.575.939.406
SCG Packaging Public Company Limited	1.580.399.308	850.899.672
Thai Containers Group Co., Ltd	614.956.394	4.609.100.421
Công ty TNHH Bao Bì AP (Hà Nội)	606.100.000	-
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)	191.705.690	137.595.076
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	175.935.945	-
The Siam Cement Public Co., Ltd	101.250.000	1.124.558.520
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	72.627.500	213.672.000
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	28.358.633	3.175.200

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước	1/1/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.357.582.865	94.099.491.837	(7.763.248.150)	(78.977.749.336)	8.716.077.216
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.311.262.401	18.606.940.033	(17.806.611.375)	-	11.111.591.059
Thuế thu nhập cá nhân	1.006.657.987	5.886.456.833	(6.495.638.475)	-	397.476.345
Thuế khác	-	2.416.952	(2.416.952)	-	-
	12.675.503.253	118.595.305.655	(32.067.914.952)	(78.977.749.336)	20.225.144.620
(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1/1/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	30/6/2023 VND
		-	78.977.749.336	(78.977.749.336)	-

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Thương nhân viên	20.767.341.377	24.585.704.457
Chi phí quản lý	2.002.335.548	-
Chi phí lãi vay	211.663.762	-
Chi phí khác	3.471.075.964	442.197.858
	<hr/>	<hr/>
	26.452.416.651	25.027.902.315
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong kỳ		30/6/2023	
	VND	Tăng VND	Trả nợ vay VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	141.739.413.927	276.843.198.242	(336.922.046.471)	81.660.565.698		
Số có khả năng trả nợ	141.739.413.927			81.660.565.698		
Số dư của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:						
		Loại tiền	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND		
Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Hà Nội		VND	50.249.520.420	76.986.864.429		
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH		VND	31.411.045.278	25.503.217.848		
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh		VND	-	39.249.331.650		
			81.660.565.698	141.739.413.927		

Các khoản vay trên không được đảm bảo.



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả cho các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	262.357.266	2.720.068.442
Sử dụng trong kỳ	-	(2.213.470.000)
Số dư cuối kỳ	262.357.266	506.598.442

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu kỳ	5.879.583.824
Dự phòng trích lập trong kỳ	89.170.260
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(98.724.812)
Số dư cuối kỳ	5.870.029.272

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	351.308.565.820	633.862.352.649
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	60.564.701.888	60.564.701.888
Cổ tức (*)	-	-	-	(23.098.386.600)	(23.098.386.600)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	388.774.881.108	671.328.667.937
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	56.028.207.993	56.028.207.993
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	444.803.089.101	727.356.875.930
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	444.803.089.101	727.356.875.930
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	68.312.127.257	68.312.127.257
Cổ tức (*)	-	-	-	(30.027.902.580)	(30.027.902.580)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	483.087.313.778	765.641.100.607

(*) Tại cuộc họp ngày 24 tháng 3 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức với số tiền là 30.027.902.580 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 23.098.386.600 VND).

(**) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận để lại theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập với mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 như sau

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu
TCG Solutions Pte. Ltd	12.076.587	120.765.870.000	94.11%
Các cổ đông khác	755.850	7.558.500.000	5.89%
	12.832.437	128.324.370.000	100%

Công ty mẹ, TCG Solutions Pte. Ltd, được thành lập tại Singapore. Công ty mẹ cấp cao nhất, The Siam Cement Public Company Limited, được thành lập tại Thái Lan.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.157.398.568	1.742.877.768
Trong vòng hai đến năm năm	6.119.957.840	6.530.363.840
Sau năm năm	17.966.234.124	18.441.895.008
	27.243.590.532	26.715.136.616

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	172.283	4.033.133.440	50.081	1.172.388.677
EUR	261	6.573.272	261	6.449.788
		4.039.706.712		1.178.838.465

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	677.527.560
		677.527.560

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	712.199.181.639	947.297.020.059
▪ Phế liệu đã bán	25.120.464.446	44.697.612.718
	737.319.646.085	991.994.632.777
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(892.852.663)	(1.245.672.829)
▪ Giảm giá hàng bán	(158.009.121)	-
▪ Chiết khấu thương mại	(220.774.960)	-
	(1.271.636.744)	(1.245.672.829)
	736.048.009.341	990.748.959.948

25. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	576.684.538.710	815.347.689.409
▪ Khác	24.214.406.782	43.803.219.945
	600.898.945.492	859.150.909.354

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	16.062.446.602	5.552.392.288
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	212.418.589	144.843.226
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	96.097.354	-
Khác	-	71.684.305
	<u>16.370.962.545</u>	<u>5.768.919.819</u>

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.019.980.353	1.754.394.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	161.787.682	220.495.277
Khác	8.362.999	-
	<u>5.190.131.034</u>	<u>1.974.889.773</u>

28. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	24.431.202.033	29.847.793.415
Chi phí nhân viên	9.419.171.622	9.715.110.508
Chi phí quà tặng	498.000.000	600.000.000
Chi phí bán hàng khác	1.377.842.313	928.376.999
	<u>35.726.215.968</u>	<u>41.091.280.922</u>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.006.873.891	12.305.298.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.474.263.359	2.017.980.526
Chi phí thuê đất	1.311.244.602	1.311.244.602
Chi phí công cụ và dụng cụ	485.947.161	735.392.372
Chi phí khấu hao	483.023.280	542.447.768
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	393.433.685	(509.085.400)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	89.170.260	-
Chi phí khác	5.155.966.795	2.595.892.707
	23.399.923.033	18.999.171.008

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	469.687.301.607	718.769.526.759
Chi phí nhân công và nhân viên	91.527.630.435	86.392.360.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.379.315.304	51.190.660.647
Chi phí vận chuyển	24.431.202.033	29.847.793.415
Chi phí khấu hao và phân bổ	18.383.242.492	21.396.802.370
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	(227.467.676)	(114.988.548)
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	393.433.685	(509.085.400)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	89.170.260	-
Chi phí khác	18.361.256.353	12.268.291.673

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	18.606.940.033	13.768.200.825
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	1.520.436.128
Chi phí thuế thu nhập	18.606.940.033	15.288.636.953

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	86.919.067.290	75.853.338.841
Thuế theo thuế suất của Công ty	17.383.813.458	15.170.667.768
Chi phí không được khấu trừ thuế	232.290.549	117.969.185
Thay đổi chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	990.836.026	-
	18.606.940.033	15.288.636.953

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	68.312.127.257	60.564.701.888
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-
	68.312.127.257	60.564.701.888

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, công ty không thể ước tính một cách chính xác số lợi nhuận sẽ được trích lập vào các quỹ này do việc trích lập các quỹ này chưa được các cổ đông thông qua. Nếu Công ty trích lập các quỹ này thì lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	12.832.437	12.832.437
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	12.832.437	12.832.437

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này. Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất The Siam Cement Public Co., Ltd Mua dịch vụ	101.250.000	-
Công ty mẹ TCG Solution Pte. LTD Cổ tức	28.259.213.580	21.737.856.600
Các bên liên quan khác Công ty TNHH Giấy Kraft Vina Bán hàng hóa Mua hàng hóa	18.018.107.000 156.366.054.900	19.045.353.600 177.760.864.610
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành Bán hàng hóa	1.694.313.594	2.799.899.016
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á Bán hàng hóa Mua hàng hóa	4.050.887.045 159.941.768	1.242.291.007 726.485.300
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam) Bán hàng hóa Mua hàng hóa	1.687.557.955 25.780.575	3.820.814.093 133.825.500
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân Bán hàng hóa Mua hàng hóa	12.034.546.098 198.075.000	10.782.806.731 429.162.500
Thai Containers Group Co., Ltd Phí quản lý	2.891.330.716	3.216.176.884
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam) Mua hàng hóa	279.267.400	210.263.100
PT. Dayasa Aria Prima Mua hàng hóa	-	4.905.268.968
Công ty TNHH Ngói Bê Tông SCG (Việt Nam) Bán hàng hóa	52.700.000	15.000.000



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty TNHH Bao Bì AP (Hà Nội) Mua tài sản cố định	551.000.000	-
SCG Packaging Public Co., Ltd Mua dịch vụ	729.499.636	-
<i>Nhân sự quản lý chủ chốt</i> Ban Tổng Giám đốc Lương và thưởng	2.060.855.485	1.767.821.869
<i>Hội đồng Quản trị</i> Chủ tịch Ông Jakjit Klomsing (từ ngày 20 tháng 12 năm 2022) Thù lao	-	-
Ông Suchai Korprasertsri (đến ngày 17 tháng 10 năm 2022) Thù lao	-	-
<i>Phó Chủ tịch</i> Ông Sompob Witworsakul Thù lao	-	-
<i>Thành viên</i> Ông Hirofumi Hori Thù lao	-	-
Ông Toshinobu Sada Thù lao	-	-
Ông Amnuay Pattaramongkolkul Thù lao	-	-
Ông Ekarach Sinnarong Thù lao	-	-
Ông Đinh Quang Hùng Thù lao	72.900.000	72.900.000
Bà Saranya Skontanarak Thù lao	64.800.000	64.800.000
Ông Nguyễn Quý Thịnh Thù lao	72.900.000	72.900.000

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch	
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
30/6/2023	30/6/2022
VND	VND

Ông Tawatchai Jungsomsri
 (đến ngày 20 tháng 12 năm 2022)
 Thù lao

Ban Kiểm soát
Thành viên của Ban Kiểm Soát
 Thù lao

-	-
-	-

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:


 Lý Phát
 Kế toán

Người duyệt:


 Phạm Hồng Đức
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Ekarach Sinnarong
 Tổng Giám đốc



19 MAY 1964

Số 56.../SVI-2023

Biên Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2023

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
tại báo cáo KQHĐKD bán niên 2023 đã được soát
xét thay đổi (tăng) trên 10% so với cùng kỳ.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa kính gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM lời chào trân trọng và cảm ơn chân thành về sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian vừa qua.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (gọi tắt là SOVI. Mã chứng khoán: SVI) xin gửi đến Quý cơ quan giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp bán niên 2023 tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được soát xét thay đổi (tăng) trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Bán niên 2023	Bán niên 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(5)=(4)/(3)
Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD bán niên đã được soát xét	86.919.067.290	75.853.338.841	11.065.728.449	14,59%

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD bán niên 2023 đã được kiểm toán thay đổi (tăng) trên 10% so với cùng kỳ là 14,59%: Chủ yếu do tăng cường công tác quản lý, nâng cao năng suất, cắt giảm các khoản chi phí lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh Trên đây là giải trình của SOVI.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: QTHC



TỔNG GIÁM ĐỐC 16/08/2023

EKARACH SINNARONG